

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 172/QĐ-THADS ngày 12/6/2026 của Trưởng THADS tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp NSNN			
I	Số thu phí, lệ phí	13,569,351,973	13,569,351,973	
1	Lệ phí		-	
2	Phí thi hành án dân sự	13,569,351,973	13,569,351,973	
	Phí thi hành án dân sự	8,556,017,973	8,556,017,973	
	Điều hòa phí	5,013,334,000	5,013,334,000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	7,352,585,375	7,352,585,375	
1	Chi sự nghiệp	-	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính	7,352,585,375	7,352,585,375	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7,332,585,375	7,332,585,375	
b	Kinh phí tiết kiệm 40% tạo nguồn cải cách tiền lương		-	
c	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20,000,000	20,000,000	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	2,139,004,473	2,139,004,473	
1	Lệ phí		-	
2	Phí Thi hành án dân sự	2,139,004,473	2,139,004,473	
	Phí thi hành án dân sự	2,139,004,473	2,139,004,473	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	170,342,729,251	170,342,729,251	
I	Nguồn ngân sách trong nước	170,342,729,251	170,342,729,251	
1	Chi quản lý hành chính	170,182,629,251	170,182,629,251	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	63,557,980,867	63,557,980,867	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	106,624,648,384	106,624,648,384	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-	
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	160,100,000	160,100,000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	160,100,000	160,100,000	
C	Nguồn địa phương hỗ trợ		-	
1	Chi quản lý hành chính	300,000,000	300,000,000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	300,000,000	300,000,000	